TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 358/2025/HC-PT
Ngày: 25 - 9 - 2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 493/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 112/2024/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 969/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1943 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phúc Â, sinh năm 1960 (có mặt);

Địa chỉ: 5 H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường C - Đ, tỉnh L).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ và

Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt);

Địa chỉ: B Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ và Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) (vắng mặt);

Địa chỉ: B Quốc lộ B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Phước T1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

2. Ông Trần Phước T2, sinh năm 1964 (vắng mặt);

3. Ông Trần Quang P, sinh năm 1966 (vắng mặt);

4. Ông Trần C, sinh năm 1968 (vắng mặt);

5. Bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1970 (vắng mặt);

6. Ông Trần Phú Q, sinh năm 1972 (vắng mặt);

7. Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

8. Bà Trần Thị Thu H2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là Thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện bà Đặng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 12/10/2020, vợ chồng bà Đặng Thị T, ông Trần Đ có đơn khiếu nại về việc Ủy ban nhân dân xã P lừa bà T không biết chữ điểm chỉ Hợp đồng thuê đất trong những năm 2007, 2009; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân xã P cho gia đình bà T được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 tờ bản đồ số 01 (299), toạ lạc tại thôn P, xã P, huyện Đ do gia đình bà T sử dụng trồng cây cà phê và sản xuất nông nghiệp từ năm 1972 đến nay.

Ngày 09/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 580/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: *"Không chấp thuận nội dung đơn của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T".*

Ngày 31/3/2023, qua đối thoại, Thanh tra huyện Đ cho rằng đất của gia đình bà T là "đất công" và cung cấp cho bà T bản phô tô Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ *"V/v Quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P"* tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý diện tích đất công theo danh sách của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đề nghị. Trong danh sách kèm theo công văn nói trên, có tên Đặng Thị T diện tích 1.588m^2 đất gồm thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 của gia đình bà T.

Ngày 10/5/2023,Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT về việc giải quyết khiếu nại có nội dung: *"Không chấp nhận*

nội dung đơn khiếu nại Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã P giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu).

Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã P".

Tuy nhiên, đến này 31/5/2023 Ủy ban nhân dân xã P mới giao cho bà T Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT nêu trên.

Những quyết định hành chính nói trên đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà T; cụ thể:

Diện tích đất 1.588m^2 gồm thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 tờ bản đồ số 01 (299) tọa lạc tại thôn P, xã P, huyện Đ có nguồn gốc do ông Hồ N khai phá, sử dụng trước năm 1975.Năm 1972 ông Hồ N cho tặng gia đình bà T bằng miệng, không làm giấy. Sau năm 1975, gia đình bà T vẫn tiếp tục sử dụng sản xuất trên diện tích đất này. Tính đến nay đã 48 năm, không ai tranh chấp.

Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà T nhiều lần đề nghị Ủy ban nhân dân xã P cho đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã P từ chối. Trong khi đó, nhiều thửa đất giáp ranh và đối diện với đất của gia đình bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho làm nhà ở.

Cuối tháng 9/2020, qua tìm hiểu gia đình bà T mới phát hiện: Ủy ban nhân dân xã P có mời bà T ra trụ sở Uỷ ban nhân dân xã yêu cầu điểm chỉ vào Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 06/9/2007 và Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 04/HĐ-UBND ngày 17/7/2009. Do không biết chữ và không hiểu biết pháp luật, nên bà T đã điểm chỉ vào hợp đồng thuê đất nói trên, trong khi bà T không phải chủ hộ, không có người làm chứng đọc lại cho bà T nghe nội dung hợp đồng. Ủy ban nhân dân xã P chỉ lập có 01 bản hợp đồng và Uỷ ban nhân dân xã giữ nên gia đình không hay biết.Ngày 25/02/2019, Ủy ban nhân dân xã P mời bà T và con trai bà T là Trần Quang P bị bệnh thiểu năng trí tuệ ra Uỷ ban nhân dân xã lập Biên bản làm việc yêu cầu tiếp tục ký hợp đồng thuê đất, yêu cầu bà T điểm chỉ và P ký tên vào biên bản và cũng chỉ lập có 01 bản do Uỷ ban nhân dân xã giữ.

Sau khi phát hiện sự việc nói trên, ngày 12/10/2020, vợ chồng bà T đã có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã P yêu cầu hủy hợp đồng thuê đất và cho gia đình bà T được đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này.

Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 không chấp nhận đơn khiếu nại của vợ chồng bà T vì cho là "đất công". Đồng thời, đưa ra căn cứ là Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ tạm giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý đất công trong đó có diện tích 1.588m^2 đất gồm thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 của gia đình bà T.

Việc Ủy ban nhân dân xã P và Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng đất của gia đình bà T sử dụng từ năm 1972 đến nay là "đất công"nhưng thời gian qua Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất của gia đình bà T đang sử dụng để giao cho Ủy ban nhân dân xã P là không đúng với quy định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993, Điều 32 Luật Đất đai năm 2003, Điều 53 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện Đ không ban hành quyết định giao đất công ích 5% cho Ủy ban nhân dân xã P, mà ban hành Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 "tạm giao" quỹ đất công ích 5% cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý, trong đó có 1.588m^2 của gia đình bà T là trái với quy định tại Điều 37 Luật Đất đai 2003; Điều 59 Luật Đất đai năm 2013.

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân huyện Đ cho rằng 1.588m^2 đất gồm thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 của gia đình bà T là "đất công" là không có căn cứ và không đúng với quy định của pháp luật.

Do đó, bà Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần hai);

- Hủy Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu);

- Hủy một phần Văn bản số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần liên quan đến đất gia đình bà T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ, công vụ cho gia đình bà Đặng Thị T được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.588m^2 đất gồm: thửa số 04/1.008 m^2, thửa số 601/550m^2, tờ bản đồ số 01 (299), thôn P, xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Thửa đất số 04/1.008m^2, 601/550m^2, tờ bản đồ số 01 (1993), xã P thuộc quỹ đất 5% do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, trước đây do HTX N2 quản lý. Đối chiếu với sổ dã ngoại năm 1993 lưu tại xã P các thửa trên là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Năm 2007 và năm 2009 bà Đặng Thị T (vợ ông Trần Đ) có ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã P. Cụ thể:

Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 06/9/2007 giữa Ủy ban nhân dân xã P và bà Đặng Thị Thanh D Ủy ban nhân dân xã P cung cấp thể hiện: Thửa đất số 04/1.008m^2, 601/550m^2, tờ bản đồ 01, xã P được Ủy ban nhân dân xã P cho bà Đặng Thị Thanh T4 với thời hạn 01 năm kể từ ngày 06/9/2007.

Đến ngày 07/7/2009, Uỷ ban nhân dân xã tiếp tục ký Hợp đồng số 04/HĐ-UBND: Thửa đất số 04/1.008m^2, 601/550m^2, tờ bản đồ 01, xã P được Ủy ban nhân dân xã P cho bà Đặng Thị Thanh T4 với thời hạn 05 năm kể từ ngày 18/7/2009.

Ngày 02/4/2007, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành Quyết định Số 678/QĐ-UBND về việc thành lập Đoàn thanh tra về công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công trên địa bàn huyện đối với Phòng T6 và UBND các xã, thị trấn. Qua làm việc với Đoàn thanh tra đối với quỹ đất công trên địa bàn xã P, thể hiện: thửa đất số 04/1.008m^2, thửa số 601/550m^2, tờ bản đồ số 01 (299) mà ông Trần Đ và bà Đặng Thị T đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã P trực tiếp quản lý, ông Trần Đ lấn chiếm trồng cà phê năm 1994.

Ngày 31/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Công văn số 3247/UBND về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P, có nội dung: tạm giao 290.238m^2 với 36 vị trí khác nhau cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý trong đó thể hiện thửa đất số 04/1.008m^2, thửa số 601/550m^2, tờ bản đồ 01 (1993), xã P cho bà Đặng Thị T hợp đồng thuê sử dụng 05 năm, từ năm 2009.

Như vậy, đủ căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 tờ bản đồ số 01, xã P là đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần 2) là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý các nội dung khởi kiện của bà Đặng Thị T vì lý do:

- Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ được ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Công văn số 3247/UBND ngày 31/12/2013 được Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành để thực hiện công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ và Ủy ban nhân dân xã P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 04/1.008m^2, thửa đất số 601/550m^2 tờ bản đồ số 01, xã P là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Lý do: diện tích trên là đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã P quản lý; năm 2007 và năm 2009 bà Đặng Thị T (vợ ông Trần Đ) có ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân xã P. Qua các tài liệu đều cho thấy diện tích đất ông Trần Đ và bà Đặng Thị T đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất là đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Do đó, căn cứ khoản 2, Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *"Các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:*

2. Người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn".

Đề nghị Tòa án căn cứ các hồ sơ có liên quan, xử bác nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, Ủy ban nhân dân xã P trình bày:

- Ủy ban nhân dân xã P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc hủy bỏ Quyết định 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu). Lý do: Nội dung yêu cầu đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết theo Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần hai).

- Nội dung yêu cầu của bà Đặng Thị T cũng đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết theo Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần hai). Do đó, Ủy ban nhân dân xã P không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu), không đồng ý với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ công vụ cho gia đình ông Trần Đ và bà Đặng Thị T được đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 1.588m^2 đất thuộc thửa 04 (1.008m^2 CLN), thửa 601 (550m^2), tờ bản đồ số 01 thôn P, xã P.

Từ các nội dung trên, Ủy ban nhân dân xã P kiến nghị Tòa án làm rõ và xét xử vụ án theo quy định của Pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ôngTrần P, ông Trần Phước T2, ông Trần Quang P, ông Trần C, bà Trần Thị Thu T3, ông Trần Phú Q, bà Trần Thị Thu H1, bà Trần Thị Thu H2: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 112/2024/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện củabà Đặng Thị T5 việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần hai);

- Hủy Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu);

- Hủy một phần Văn bản số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần có liên quan đến gia đình bà T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ, công vụ cho gia đình bà Đặng Thị T được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.588m^2 đất gồm: thửa số 04/1.008m^2,thửa đất số

601/550m^2 tờ bản đồ số 01 (299), thôn P, xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/11/2024, người khởi kiện – bà Đặng Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – bà Đặng Thị T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà người kháng cáo trình bày và cung cấp có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Thanh L trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tình tiết nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị Thanh L trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T:

Bà Đặng Thị Thanh khiếu N1 yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà T đối với diện tích 1.588m² đất gồm: Thửa số 04 diện tích 1.008m² và thửa đất số 601 diện tích 550m² tờ bản đồ số 01 (theo Tài liệu 299), tạo lạc thôn P, xã P, huyện Đ. Bà T trình bày diện tích đất trên có nguồn gốc do ông Hồ N cho tặng gia đình bà T bằng miệng, không làm giấy vào năm 1972. Sau năm 1975, gia đình bà T vẫn tiếp tục sử dụng sản xuất trên diện tích đất này nhưng bà T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình nên

Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà T. Mặt khác, trong quá trình quản lý, sử dụng bà T không đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, không đóng thuế sử dụng đất.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 07/5/2007 của Đoàn Thanh tra Ủy ban nhân dân huyện Đ thể hiện thửa đất số 04 và thửa đất số 601, tờ bản đồ 01 xã P có hiện trạng trồng cà phê do ông Trần Đ lấn chiếm sử dụng trái phép và chưa bị xử lý (BL 112).

Căn cứ Hợp đồng thuê đất ngày 06/9/2007 giữa Ủy ban nhân dân xã P và bà Đặng Thị T (vợ ông Trần Đ) có nội dung Ủy ban nhân dân xã P cho bà T thuê điện tích 1.558m² thuộc thửa đất số 04 và thửa đất số 601, tờ bản đồ 01, thôn P, xã P với thời hạn thuê 01 năm kể từ ngày 06/9/2007 (BL 132).

Căn cứ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 07/7/2009 giữa Ủy ban nhân dân xã P và bà Đặng Thị T có nội dung Ủy ban nhân dân xã P cho bà T thửa đất số 04 và thửa đất số 601, tờ bản đồ 01, diện tích 1.558m² tại thôn P, xã P, huyện Đ (theo nguồn gốc và tài liệu là đất công) với thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 18/7/2009 (BL 130-131).

Căn cứ Báo cáo số 731/BC-TNMT ngày 26/12/2013 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ về việc kiểm tra diện tích đất công 5% tại xã P, huyện Đ thể hiện thửa đất số 04, diện tích 1.008m² và thửa đất số 601, diện tích 550m² thuộc quỹ đất nông nghiệp 5% do Ủy ban nhân dân xã P quản lý và đang cho bà Đặng Thị Thanh T4 theo hợp đồng thuê sử dụng 05 năm, từ năm 2009 (BL 126-128).

Theo Kế hoạch ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân xã P về việc sử dụng, quản lý diện tích đất công, đất nông nghiệp công ích trên địa bàn xã P giai đoạn 2016-2020 thì thửa đất 04, tờ bản đồ 01 là đất trồng cây hàng năm khác dự kiến đấu giá cho thuê trong năm 2016 (BL 121). Kế hoạch được thông qua theo Báo cáo số 47/BC-TNMT ngày 17/02/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (BL 124-125).

Căn cứ Sổ mục kê quyền số 01 và Sổ dã ngoại của xã P thể hiện thửa số 04 là đất vắng chủ do Ủy ban nhân dân xã P quản lý và thửa đất số 601 không có người đăng ký, kê khai sử dụng đất (BL 177-182).

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 1.588m^2 thuộc thửa đất số 04 và thửa đất số 601 bà T khiếu nại yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là đất công do Ủy ban nhân dân xã P quản lý, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ1 và bà Đặng Thị T (lần hai); hủy Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu); hủy một phần Văn bản số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần liên quan đến gia đình bà T); buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ, công vụ cho gia

đình bà Đặng Thị T được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.588m² đất gồm: thửa số 04/1,008m², thửa đất số 601/550m² tờ bản đồ số 01, thôn P, xã P, huyện Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Bà Đặng Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm bà T không xuất trình được chứng cứ có căn cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

[3.3] Đối với quan điểm của Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 112/2024/HC-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn đóng án phí theo đúng quy định pháp luật nên bà T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân do Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ban hành ngày 27/6/2025; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 112/2024/HC-ST ngày 12/11/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 35/QĐ-UBND-ĐT ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần hai);

- Hủy Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Đ và bà Đặng Thị T (lần đầu);

- Hủy một phần Văn bản số 3247/UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc quản lý đất công 5% trên địa bàn xã P (phần có liên quan đến gia đình bà T);

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P thực hiện nhiệm vụ, công vụ cho gia đình bà Đặng Thị T được đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.588m² đất gồm: thửa số 04/1.008m², thửa đất số 601/550m² tờ bản đồ số 01 (299), thôn P, xã P, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- NKK (1);
- NBK (4);
- NLQ (8);
- Lưu (10) 28b (Án TTKY).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Toàn